

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/NQ-HĐND

Cẩm Mỹ, ngày 13 tháng 9 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024**  
**trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ KHÓA IV**  
**KỶ HỌP THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai, về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Trên cơ sở Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ, về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 1);

Xét Tờ trình số 126 /TTr-UBND ngày 27/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ tại Tờ trình số 126 /TTr-UBND ngày 27 /8/2024 của UBND huyện trình tại kỳ họp, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đợt 2) với tổng số là: 368.440 triệu đồng, bao gồm các nguồn vốn:

+ Nguồn vốn ngân sách tập trung:	180.154 triệu đồng.
+ Nguồn vốn xổ số kiến thiết:	107.850 triệu đồng.
+ Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu:	47.000 triệu đồng.
+ Nguồn thu sử dụng đất (huyện hưởng):	33.436 triệu đồng.

2. Nội dung phân bổ chỉ tiêu kế hoạch các nguồn vốn nêu tại khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết này với số vốn là: 368.440 triệu đồng, bao gồm:

+ Thực hiện dự án:	253.652 triệu đồng.
+ Chuẩn bị đầu tư:	12.255 triệu đồng.
+ Đầu tư xây dựng cơ bản khác:	6.000 triệu đồng.
+ Bố trí thực hiện các dự án khi đủ điều kiện:	4.000 triệu đồng.
+ Các dự án khác trên địa bàn huyện, cấp sau quyết toán, hỗ trợ các dự án xã hội hoá:	24.312 triệu đồng.
+ Chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (chuyển nguồn tạm ứng):	64.337 triệu đồng.
+ Vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 do UBND các xã làm chủ đầu tư:	3.884 triệu đồng.

*(Chi tiết kèm theo phụ lục)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024; báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.





Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ Khóa IV, kỳ họp thứ 15 (Chuyên đề) thông qua ngày 13/9/2024 và có hiệu lực từ ngày 13/9/2024.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND - UBND tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND - UBND - UBMTTQ huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban ngành huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Chánh, Phó VP UBH;
- Lưu: VT (HĐND, CN0)

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Sửu**



**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CẤP XÃ**  
( Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ)

ĐVT: Ngân đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)				Chủ đầu tư					
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó								
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số hộ sung có mục tiêu	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số hộ sung có mục tiêu	Nguồn thu tiền sử dụng đất						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19	
	<b>TỔNG CỘNG</b>											3.884.078	486.717	2.599.266	-	-		
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông</b>									3.749.258	-	3.749.258	486.717	2.464.446	-	-		
<b>I.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									3.749.258	-	3.749.258	486.717	2.464.446	-	-		
1	Đường nhánh 3, 4, 5, 6 ấp Duyên Lăng	Nhiên Nghĩa								66.655		66.655	66.655					Nhiên Nghĩa
2	Đường tổ 15 ấp 1 đi cầu Suối Đục ấp 6, xã Sông Ray	Sông Ray								30.442		30.442	30.442					Sông Ray
3	Đường tổ 10 ấp Tân Hoà, xã Bảo Bình	Bảo Bình								389.620		389.620	389.620					Bảo Bình
4	Sửa chữa đường nội ô ấp 1, xã Xuân Đường	Xuân Đường								94.446		94.446	94.446		94.446			Xuân Đường
5	Đường tổ 3, tổ 4, tổ 13, tổ 11 ấp 1, xã Sông Ray	Sông Ray								370.000		370.000	370.000		370.000			Sông Ray
6	Sửa chữa đường liên tổ xã Lâm Sơn	Lâm Sơn								2.000.000		2.000.000	2.000.000		2.000.000			Lâm Sơn
7	Đường nhánh tổ 16 ấp Tân Bảo, xã Bảo Bình	Bảo Bình								113.033		113.033	113.033		113.033			Bảo Bình
8	Đường 3 nhánh 1 ấp 11	Xuân Tây								16.002		16.002	16.002		16.002			Xuân Tây
9	Đường 4-2 nhánh 1 ấp 10	Xuân Tây								30.177		30.177	30.177		30.177			Xuân Tây
10	Đường 10-17 nhánh 1 ấp 10	Xuân Tây								31.624		31.624	31.624		31.624			Xuân Tây
11	Đường tổ 4-2 nhánh 1 ấp 8	Xuân Tây								80.103		80.103	80.103		80.103			Xuân Tây
12	Đường tổ 10, 11 nhánh 1 ấp 1	Xuân Tây								53.000		53.000	53.000		53.000			Xuân Tây



STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)				Chỉ đầu tư				
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó							
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số vốn thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số vốn thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất					
6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19
13	Đường tổ 4-1 nhánh 1 ấp 9	Xuân Tây								59.701		59.701		59.701			Xuân Tây
14	Đường tổ 9 nhánh 1 ấp 10	Xuân Tây								49.000		49.000		49.000			Xuân Tây
15	Đường tổ 3-1, nhánh 1, ấp 2	Xuân Tây								19.480		19.480		19.480			Xuân Tây
16	Đường tổ 5,9 NB ấp 4	Xuân Tây								202.848		202.848		202.848			Xuân Tây
17	Nâng cấp, sửa chữa đường Nội đồng ấp 2	Xuân Tây								143.127		143.127		143.127			Xuân Tây
<b>II</b>	<b>Công trình hạ tầng kỹ thuật</b>									<b>134.820</b>	<b>-</b>	<b>134.820</b>	<b>-</b>	<b>134.820</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Hệ thống chiếu sáng đường nội ở ấp 1, ấp 2, xã Xuân Đường	Xuân Đường								34.133		34.133		34.133			Xuân Đường
2	Hệ Thống chiếu sáng các ấp, xã Sông Ray	Sông Ray								100.687		100.687		100.687			Sông Ray

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (ĐỢT 2)  
DO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN TRỰC TIẾP GIAO CHỈ TIÊU**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ)

ĐVT: Ngân đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)					Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)					Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết		Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19
	<b>TỔNG CỘNG</b>		1.667.880.842	292.297.387	349.560.904	170.796.786	98.328.469	47.000.000	33.435.649	44.379.746	25.500.000	368.440.650	180.154.854	107.850.147	47.000.000	33.435.649	
A	Thực hiện dự án		953.006.298	289.947.387	230.353.000	126.300.000	57.053.000	47.000.000	-	23.299.498	-	253.652.498	131.963.246	64.089.252	47.000.000	10.600.000	
I	Công trình giao thông		203.637.095	30.210.000	35.150.000	35.150.000	-	-	-	9.463.246	-	44.613.246	40.613.246	-	-	4.000.000	
II	Dự án chuyển tiếp		94.855.095	29.710.000	31.150.000	31.150.000	-	-	-	163.246	-	31.313.246	31.313.246	-	-	-	
1	Đường số 26 (Đường khu 2 ấp Suối Cà)	Long Giao	35.991.213	5.950.000	23.000.000	23.000.000	-	-	-	-	-	23.000.000	23.000.000	-	-	-	
2	Đường N14-2 (đoạn D13-D3-1)	Long Giao	14.991.371	2.100.000	3.100.000	3.100.000	-	-	-	-	-	3.100.000	3.100.000	-	-	-	
3	Đường D7	Long Giao	9.846.750	7.650.000	300.000	300.000	-	-	-	-	-	300.000	300.000	-	-	-	
4	Đường N10 (D9, D3-1)	Long Giao	13.697.966	9.200.000	2.300.000	2.300.000	-	-	-	-	-	2.300.000	2.300.000	-	-	-	
5	Đường N8-2 (D7, D3-1)	Long Giao	8.016.437	4.810.000	2.450.000	2.450.000	-	-	-	-	-	2.450.000	2.450.000	-	-	-	
6	Đường Xuân Bảo-Xuân Tây nối dài đi DT 765	Xuân Tây	12.311.358							140.268		140.268	140.268				Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024
7	Đường nội đồng Cù Nhi 1 ra đường 72 xã Sông Ray	Sông Ray	11.358.110							22.978		22.978	22.978				Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024





STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)					Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)					Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch		Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19
I.II	Dự án khởi công mới		108.782.000	500.000	4.000.000	4.000.000	-	-	-	9.300.000	-	13.300.000	9.300.000	-	-	4.000.000	
1	Đường N20 (đoạn N16-QL56)	Long Giao	48.468.000	500.000	4.000.000	4.000.000				3.100.000		3.100.000	2.500.000			600.000	BS KCM 2024
2	Đường nội đồng tổ 1 Làng me đi Thoại Hương, xã Xuân Đông	Xuân Đông	22.312.000							3.100.000		3.100.000				3.100.000	BS KCM 2024
3	Đường nội đồng tổ 10D ấp 10 xã Sông Ray	Sông Ray	14.899.000							3.100.000		3.100.000	2.800.000			300.000	BS KCM 2024
4	Đường nội đồng tổ 3 đi tổ 7 vào lòng hồ Sông Ray	Sông Ray	23.103.000							3.700.000		45.400.000	41.900.000			3.500.000	
II	Công trình quản lý nhà nước		116.450.881	23.520.000	41.700.000	41.700.000	-	-	-	3.700.000		45.400.000	41.900.000				
III	Công trình chuyển tiếp		107.280.215	23.520.000	41.700.000	41.700.000	-	-	-	200.000		41.900.000	41.900.000				
1	Xây dựng trụ sở UBND xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	31.276.090	5.550.000	10.000.000	10.000.000						10.000.000	10.000.000				
2	Xây dựng trụ sở UBND xã Thừa Đức	Thừa Đức	25.982.230	5.500.000	10.000.000	10.000.000						10.000.000	10.000.000				
3	Xây dựng trụ sở UBND xã Xuân Quế	Xuân Quế	28.221.395	5.570.000	10.000.000	10.000.000						10.000.000	10.000.000				
4	Xây dựng nhà lực lượng Công an Xuân Bảo	Xuân Bảo	6.752.526	3.250.000	2.600.000	2.600.000						2.600.000	2.600.000				
5	Sửa chữa trụ sở khối Nông Lâm	Long Giao	4.162.303	1.100.000	2.500.000	2.500.000						2.500.000	2.500.000				
6	Xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	2.832.133	650.000	1.500.000	1.500.000				200.000		1.700.000	1.700.000				KL chuyển tiếp, triển khai thiết bị
7	Xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TT Long Giao	Long Giao	4.920.523	1.200.000	3.300.000	3.300.000						3.300.000	3.300.000				
8	Xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Xuân Đông	Xuân Đông	3.133.015	700.000	1.800.000	1.800.000						1.800.000	1.800.000				
II.II	Công trình khởi công mới		9.170.666							3.500.000		3.500.000				3.500.000	
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quản sự Thị trấn Long Giao	Long Giao	9.170.666							3.500.000		3.500.000				3.500.000	BS KCM 2024

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)					Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)					Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó				Giảm	Tăng	Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số vốn kiến thiết	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số vốn kiến thiết		Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19
III	Công trình giáo dục		628.563.508	235.567.387	151.553.000	47.500.000	57.053.000	47.000.000	-	10.136.252	-	161.689.252	47.500.000	64.089.252	47.000.000	3.100.000	
III.1	Công trình chuyển tiếp		586.343.243	235.317.387	150.153.000	46.500.000	56.653.000	47.000.000	-	7.036.252	-	157.189.252	46.500.000	63.689.252	47.000.000	-	
1	Xây dựng phòng học trường Mầm Non Hoa Sen	Xuân Tây	16.654.155	600.000	5.000.000	5.000.000						5.000.000	5.000.000				
2	Xây mới trường Mầm non Báo Bình (phần hiệu áp Tân Xuân)	Báo Bình	29.648.978	10.115.500	1.000.000	1.000.000						1.000.000	1.000.000				
3	Xây mới khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Báo Bình	Báo Bình	26.501.515	22.000.000	400.000	400.000						400.000	400.000				
4	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Lý Tự Trọng	Xuân Quê	16.212.988	13.000.000	1.300.000	800.000	500.000					1.300.000	800.000	500.000			
5	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng Trường tiểu học Hòa Bình	Sông Ray	15.681.007	12.200.000	2.300.000	1.300.000	1.000.000					2.300.000	1.300.000	1.000.000			
6	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Ngô Quyền	Sông Ray	52.610.009	40.963.000	9.200.000	9.200.000						9.200.000	9.200.000				
7	Xây dựng trường Mầm non Xuân Báo (phần hiệu)	Xuân Báo	25.078.656	5.500.000	10.500.000	10.500.000						10.500.000	10.500.000				
8	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Xuân Đông	29.013.174	21.000.000	6.000.000	3.000.000	3.000.000					6.000.000	3.000.000	3.000.000			
9	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ trường Tiểu học Trung Dũng	Xuân Tây	35.702.998	24.400.000	2.700.000	1.700.000	1.000.000					2.700.000	1.700.000	1.000.000			
10	Nâng cấp sửa chữa trường THCS Sông Ray	Sông Ray	23.242.129	16.200.000	4.000.000	1.500.000	2.500.000					4.000.000	1.500.000	2.500.000			
11	Nâng cấp sửa chữa trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	Lâm Sơn	36.667.744	14.478.887	10.000.000	10.000.000				7.020.000		17.020.000	10.000.000	7.020.000			
12	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Xuân Đông	Xuân Đông	28.535.002	7.120.000	10.000.000	10.000.000						10.000.000	10.000.000				
13	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Ngô Mây	Lâm Sơn	22.566.995	4.840.000	10.000.000	10.000.000						10.000.000	10.000.000				
14	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Xuân Đường	Xuân Đường	28.948.511	6.000.000	10.000.000	10.000.000						10.000.000	10.000.000				
																	Hỗ trợ CMT theo QĐ 2264/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh



STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)				Nội dung điều chỉnh				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)				Ghi chú				
					Tổng số	Trong đó			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó			Tăng	Giảm		Tổng số	Trong đó		
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT				Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch					Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn XDCB tập trung
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19				
15	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Sông Nhạn	Sông Nhạn	15.855.372	12.200.000	3.000.000	1.500.000	1.500.000					3.000.000	1.500.000	1.500.000							
16	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu Học Long Giao.	Long Giao	12.766.817	4.500.000	8.000.000	6.000.000	6.000.000					8.000.000	2.000.000	6.000.000							
17	Xây dựng phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Xuân Đường.	Xuân Đường	34.696.604	4.200.000	9.753.000	9.753.000	9.753.000					9.753.000		9.753.000							
18	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (PH ấp Bê Đạc)	Xuân Đông	43.547.319	5.350.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000				14.000.000				14.000.000					
19	Xây dựng trường mầm non Lâm Sơn	Lâm Sơn	37.987.276	5.300.000	16.000.000	16.000.000	16.000.000	16.000.000				16.000.000				16.000.000					
20	Xây dựng trường mầm non Sông Ray ấp 1	Sông Ray	54.425.994	5.350.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000				17.000.000				17.000.000					
21	Xây dựng trường MN Hòa Mĩ	Xuân Đông	14.957.693							16.252	16.252	16.252		16.252			Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024				
<b>III.II</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>		<b>42.220.265</b>	<b>250.000</b>	<b>1.400.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>400.000</b>	-	-	<b>3.100.000</b>	-	<b>4.500.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>400.000</b>	-	<b>3.100.000</b>					
1	XD bổ sung các phòng học phòng chức năng trường TH Hồng Bàng.	Sông Ray	14.976.944	250.000	200.000		200.000			3.100.000		3.300.000		200.000		3.100.000					
2	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cẩm Mỹ	Long Giao	27.243.321		1.200.000	1.000.000	200.000					1.200.000	1.000.000	200.000							
<b>IV</b>	<b>Công trình văn hoá</b>		<b>4.354.814</b>	<b>650.000</b>	<b>1.950.000</b>	<b>1.950.000</b>	-	-	-	-	-	<b>1.950.000</b>	<b>1.950.000</b>	-	-	-					
<b>IV.1</b>	<b>Công trình chuyên tiếp</b>		<b>4.354.814</b>	<b>650.000</b>	<b>1.950.000</b>	<b>1.950.000</b>	-	-	-	-	-	<b>1.950.000</b>	<b>1.950.000</b>	-	-	-					
I	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm văn hoá học tập cộng đồng xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	4.354.814	650.000	1.950.000	1.950.000						1.950.000	1.950.000								
<b>B</b>	<b>Các dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>714.874.544</b>	<b>2.350.000</b>	<b>1.900.000</b>	<b>1.300.000</b>	<b>600.000</b>	-	-	<b>10.355.170</b>	-	<b>12.255.170</b>	<b>2.255.170</b>	<b>600.000</b>	-	<b>9.400.000</b>					
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông</b>		<b>402.875.000</b>	<b>1.550.000</b>	<b>700.000</b>	<b>700.000</b>	-	-	-	<b>250.000</b>	-	<b>950.000</b>	<b>700.000</b>	-	-	<b>250.000</b>					
1	Đường Rừng Tre - La Hoa	Xuân Đông	67.234.000	200.000	100.000	100.000						100.000	100.000								
2	Đường Xuân Báo - Xuân Tây	Xuân Tây	73.468.000	200.000	100.000	100.000						100.000	100.000								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)				Ghi chú				
					Tổng số	Trong đó			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó					
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT				Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19
3	Đường áp 5 Quảng Thành	Lâm Sơn	14.977.000	200.000	100.000	100.000						100.000	100.000				
4	Đường số 27	Long Giao	79.900.000	350.000	100.000	100.000						100.000	100.000				
5	Đường áp 10-11 Xuân Tây	Xuân Tây	41.868.000	200.000	100.000	100.000						100.000	100.000				
6	Đường 765 đi làng dân tộc	Lâm Sơn	32.928.000	200.000	100.000	100.000						100.000	100.000				
7	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Xuân Tây	92.500.000	200.000	100.000	100.000						100.000	100.000				
8	Đường nội đồng tổ 15 ấp Thoại Hương, xã Xuân Đông	Xuân Đông	23.820.000							50.000	50.000						50.000
9	Hệ thống kênh dẫn nước hồ Suối Đồi	Lâm Sơn	14.986.263							100.000	100.000						100.000
10	Xây mới lại kênh nội đồng ấp 6 xã Sông Nhạn (Hệ thống kênh đập suối (Sầu))	Sông Nhạn	9.174.958							100.000	100.000						100.000
II	Công trình quản lý nhà nước		7.562.595	-	-	-	-	-	-	350.000	350.000						350.000
1	Xây dựng mới Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Sông Ray	Sông Ray	2.959.605							50.000	50.000						50.000
2	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Xuân Quê thành trụ sở làm việc Công an xã Xuân Quê	Xuân Quê	7.637.970							100.000	100.000						100.000
3	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Sông Nhạn thành trụ sở làm việc Công an xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	6.932.296							100.000	100.000						100.000
4	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Thừa Đức thành trụ sở làm việc Công an xã Thừa Đức	Thừa Đức	7.562.595							100.000	100.000						100.000
III	Giáo dục		304.436.949	800.000	1.200.000	600.000	600.000	-	-	8.400.000	8.400.000		600.000	600.000			8.400.000
1	XD trường MN Hướng Dương	Sông Nhạn	28.236.200	200.000	200.000	200.000											200.000
2	XD bổ sung các phòng học phòng chức năng trường TH Thừa Đức 2	Thừa Đức	34.454.443	300.000	200.000	200.000											200.000
3	XD bổ sung các phòng học phòng chức năng trường TH Mỹ Hạnh	Xuân Báo	29.661.532	300.000	200.000	200.000											200.000
4	Xây dựng trường Mầm Non Tuổi Thơ xã Thừa Đức	Thừa Đức	65.833.837		200.000	200.000				1.000.000	1.000.000						1.000.000
5	Xây dựng trường Mầm Non Xuân Tây xã Xuân Tây	Xuân Tây	78.967.833		200.000	200.000				7.000.000	7.000.000						7.000.000
6	Xây dựng trường Tiểu Học Xuân Tây xã Xuân Tây	Xuân Tây	67.283.104		200.000	200.000				300.000	300.000						300.000





STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã điều chỉnh (đợt 1)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh (đợt 2)				Ghi chú				
					Tổng số	Trong đó			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó					
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT				Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu XSKT	Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Trãi	Xuân Đông	35.097.558	-	-	-	-	-	-	100.000	-	-	-	-	-	100.000	Triển khai TKBV/TC-DT
IV	Công trình hạ tầng kỹ thuật		67.296.854	-	-	-	-	-	-	1.355.170	-	-	-	-	-	400.000	BS 2024 CBĐT
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	67.296.854	-	-	-	-	-	-	400.000	-	-	-	-	-	400.000	Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024
2	Hệ thống chiếu sáng đường La Hoa-Rừng Tre xã Xuân Đông	Xuân Đông								74.511			74.511				Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024
3	Hệ thống chiếu sáng đường ấp 3 Quảng Thành xã Lâm Sơn	Lâm Sơn								404.991			404.991				Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024
4	Hệ thống chiếu sáng đường Suối Lức-Rừng Tre xã Xuân Đông	Xuân Đông								475.668			475.668				Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024
C	Đầu tư xây dựng cơ bản khác - Nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương năm 2024; 4 tỷ đồng - Nguồn vốn quỹ hỗ trợ nông dân năm 2024; 2 tỷ đồng	tỷ đồng		6.000.000	6.000.000				6.000.000				6.000.000			6.000.000	Vốn bố trí các nguồn quỹ khi đủ điều kiện hỗ trợ ủy quyền cho UBND huyện
D	Vốn bố trí thực hiện các dự án khi đủ điều kiện	điều kiện		29.500.000	29.500.000	5.500.000			24.000.000		25.500.000	4.000.000	4.000.000			4.000.000	
E	Một số dự án khác trên địa bàn huyện; vốn cấp sau quyết toán; vốn hỗ trợ các dự án XIII huyện	XIII huyện		17.471.000	17.471.000	17.471.000			6.841.000	6.841.000		24.312.000	24.312.000				Vốn bố trí các dự án khác, vốn cấp quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, vốn hỗ trợ các dự án xã hội hoá khi đủ điều kiện ủy quyền cho UBND huyện
F	Vốn chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (vốn tạm ứng)	(tạm ứng)		64.336.904	20.225.786	40.675.469			3.435.649			64.336.904	20.225.786	40.675.469		3.435.649	
G	Các dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 cấp xã (danh sách đính kèm)	kéo dài								3.884.078		3.884.078	1.398.652	2.485.426			

